

Số: /KL-SYT

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc thanh tra chính sách BHYT tại Trung tâm y tế huyện Phú Thiện

Thực hiện Quyết định số 192/QĐ - SYT ngày 22/3/2023 của Giám đốc Sở Y tế Gia Lai về việc thanh tra việc thực hiện chính sách BHYT tại Trung tâm y tế huyện Phú Thiện, từ ngày 06/4/2023 đến ngày 04/5/2023, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trung tâm y tế huyện Phú Thiện (sau đây gọi tắt là TTYT).

Xét báo cáo kết quả thanh tra số 10/BC-TTr ngày 16/5/2023 của Trưởng đoàn thanh tra và các hồ sơ tài liệu có liên quan của TTYT huyện Phú Thiện.

Giám đốc Sở Y tế kết luận thanh tra như sau:

1. Khái quát chung:

TTYT là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế Gia Lai được thành lập tại Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 31/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thành lập các Trung tâm Y tế cấp huyện trên cơ sở Bệnh viện đa khoa cấp huyện, Trung tâm y tế dự phòng cấp huyện và các Trạm y tế cấp xã; Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp huyện vào Trung tâm Y tế cùng cấp, tổ chức lại Ban Y tế dự phòng thuộc Trung tâm Y tế cấp huyện, sáp nhập Bệnh viện đa khoa khu vực (thị xã An Khê, thị xã AyunPa) vào Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố.

TTYT là Bệnh viện hạng III theo Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về xếp hạng lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế. Đơn vị đã đi vào ổn định và đạt được kết quả cao trong công tác khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là những bệnh nhân thuộc đối tượng BHYT trên địa bàn huyện.

TTYT có Ban lãnh đạo gồm 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc; 25 đơn vị trực thuộc, gồm: 05 phòng chức năng, 10 khoa (06 khoa lâm sàng, khoa dược, cận lâm sàng, 02 khoa hệ dự phòng) và 10 trạm y tế xã, thị trấn.

Cơ sở hạ tầng: TTYT có diện tích 30.988 m², diện tích xây dựng sử dụng: 2778,5 m²/85 giường bệnh, bình quân diện tích 32,6 m²/ giường bệnh, gồm 03 tòa nhà 02 tầng và 07 tòa nhà 01 tầng và một số hạng mục phụ trợ. Cấp công trình được xác định theo Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ xây dựng với quy mô được giao 85 giường bệnh lưu trú, TTYT Phú Thiện có cấp công trình theo quy mô công suất là cấp III.

2. Kết quả kiểm tra, xác minh:

2.1. Về nhân lực, cán bộ tham gia công tác khám chữa bệnh BHYT:

- Việc đáp ứng đủ cán bộ, bác sỹ tham gia khám bệnh, chữa bệnh cho bệnh nhân có thẻ BHYT: Nhân lực của TTYT gồm có tổng số 162 người; 35 Bác sỹ (07 CKI; 26 Bác sỹ đa khoa; 02 YHCT); 10 Dược sỹ (04 Dược sỹ đại học, 01 Dược sỹ Cao đẳng, 05 Dược sỹ trung cấp); 35 Điều dưỡng (09 Đại học điều dưỡng, 08 Cao đẳng,

18 trung cấp); 21 Hộ sinh (05 Đại học hộ sinh; 16 Trung cấp hộ sinh); 10 Kỹ thuật viên (05 Đại học, 05 Cao đẳng); 05 Hộ lý, 17 y sĩ; 06 Cử nhân YTCC; 12 Viên chức Dân số; 11 cán bộ. Số lượng nhân viên y tế hành nghề theo chứng chỉ hành nghề được cấp tại TTYT là 125 người.

	Năm 2021	Năm 2022
Số bàn khám	06 bàn (thường xuyên khám 04 bàn)	
Số giường theo kế hoạch	85 giường	
Số giường thực kê	110 giường	
Số lượt khám bệnh bình quân/bàn khám/ngày	40-50 lượt	
Số lượt KCB ngoại trú: - Tại Trung tâm Y tế - Tại trạm Y tế xã	34.855 lượt 10.226 lượt	44.133 lượt 10.820 lượt
Số lượt điều trị nội trú	5.151 lượt	6.410 lượt
Công suất sử dụng giường bệnh tính theo giường kế hoạch	59,68 %	82,77 %
Công suất sử dụng giường bệnh tính theo giường thực kê	46,12 %	63,96 %

TTYT bố trí đủ bác sĩ và điều dưỡng thực hiện công tác khám bệnh, chữa bệnh cho bệnh nhân tại các bàn khám ở các khoa phòng.

- Việc sắp xếp cán bộ, bác sĩ đáp ứng về chuyên môn, phục vụ bệnh nhân có thể BHYT tận tình chu đáo, nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh: TTYT sắp xếp nhân viên y tế phục vụ người bệnh BHYT cơ bản đảm bảo theo quy trình xây dựng tại khoa khám bệnh, bàn khám. Bệnh nhân được hướng dẫn cụ thể, ưu tiên bệnh nặng, cấp cứu, người già và trẻ em đúng quy định. Trường hợp bệnh nhân cấp cứu, bệnh nhân cần sự hỗ trợ của NVYT được chuyển bằng băng ca, xe đẩy đến khoa cấp cứu kịp thời.

- Cán bộ làm công tác khám bệnh, chữa bệnh BHYT được tham gia các chương trình hội thảo, khóa tập huấn về chính sách BHYT, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm.

TTYT đã cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn cụ thể như sau

STT	NỘI DUNG	NOI TỔ CHỨC	SỐ NGƯỜI	CHỨNG CHỈ	CHỨNG NHẬN
Năm 2021					
1	Cấp cứu-Hồi sức-Chống độc cơ bản	Đại học Y Hà Nội	1	x	
2	Quản lý chất lượng bệnh viện	Đại học Y Hà Nội	5	x	
3	Tập huấn lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển và an toàn sinh học trong lấy mẫu Sars-CoV-2	Viện vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên	1		x
4	Điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV (PrEP)	Cục phòng chống HIV/AIDS	3		x
Năm 2022					
1	Hướng dẫn phát hiện và điều trị lao tiềm ẩn	Bệnh viện phổi Trung Ương	15	x	
2	Cập nhật kiến thức dinh dưỡng miễn dịch	Sở Y tế Gia Lai	15		x

3	Điều dưỡng dụng cụ phòng mổ	Bệnh viện Chợ rẫy	1	x	
4	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao	Bệnh viện phổi Trung Ương	4	x	
5	Chuyên môn phòng chống ĐTD&CRLTI cho cán bộ chuyên trách tuyến huyện và các TYT xã năm 2022	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	6		x
6	Tập huấn cập nhật kiến thức, điều trị và quản lý cho người tâm thần tại cộng đồng; cập nhật kiến thức sử dụng các loại thuốc thế hệ mới	Bệnh viện Tâm thần kinh TW 2	2		x
7	Tập huấn sử dụng hệ thống thông tin quản lý người nhiễm HIV/AIDS (HIV INFO)	Viện vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên	2		x
8	Quản lý chất lượng xét nghiệm theo tiêu chí đánh giá mức chất lượng phòng xét nghiệm y học - Quyết định 2429/QĐ-BYT	Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh	1		x
9	Tư vấn xét nghiệm HIV/AIDS	Viện vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên	3	x	
10	Điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV (PrEP)	Cục phòng chống HIV/AIDS	1		x
11	Xử lý sự cố y khoa, cập nhật kiến thức chẩn đoán và điều trị sốt xuất huyết Dengue ở VN	Tổng hội Y học Việt Nam	2		x
12	Chẩn đoán, điều trị và theo dõi hậu Covid-19	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	1		x
13	Tập huấn chương trình phòng chống phong	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	3		x
14	Tập huấn tiêm chủng vắc xin Covid-19 và tiêm chủng thường xuyên	TP Pleiku- Gia lai	4	x	
15	Tập huấn triển khai QĐ số 808/QĐ-BYT ngày 01/01/2022 của BYT về ban hành tài liệu Hướng dẫn kết nối với hệ thống thông tin QG và quản lý kê đơn thuốc và bán thuốc theo đơn	Sở Y tế Gia Lai	2		x
16	Tập huấn nâng cao năng lực phòng chống HIV/AIDS cho cán bộ y tế	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	1		x
17	Nâng cao năng lực phòng chống Sốt xuất huyết	TP Pleiku- Gia lai	2		x
18	Tập huấn phòng chống Sốt rét	TP Pleiku- Gia lai	11		x
19	Tập huấn cập nhật kiến thức về chẩn đoán điều trị, PHCN và quản lý người bệnh tâm thần tại cộng đồng	Bệnh viện Tâm thần kinh Gia Lai	11	x	
20	Tập huấn điều trị, chăm sóc HIV/AIDS	Tỉnh Quảng Bình	2	x	
21	Y tế trường học	Tỉnh KonTum	1	x	
22	Tập huấn phân tích và giám sát bệnh truyền nhiễm	TP Pleiku- Gia lai	2		x

23	Tập huấn Băng huyết sau sinh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	2		x
24	Tập huấn kiểm soát nhiễm khuẩn lao	TP Pleiku- Gia lai	3	x	
25	Đo chức năng hô hấp	Thành phố HCM	1	x	
26	Tập huấn về phòng véc tơ cho cán bộ tuyến huyện	TP Quy Nhơn - Bình Định	2	x	
27	Tập huấn kỹ năng thực hành cấp cứu TNGT	TP Pleiku- Gia lai	4		x
28	Bệnh học siêu âm và xử trí tim bẩm sinh	Bệnh viện Nhi Gia Lai	2		x
29	Hội nghị da liễu miền trung - Tây nguyên	TP Quy Nhơn - Bình Định	2		x
30	Tập huấn hoạt động phòng chống bệnh không lây nhiễm	Trung tâm KSBT tỉnh Gia Lai	11	x	
31	Tập huấn giới thiệu và demo phần mềm quản lý thông tin bệnh viện	Trung tâm y tế huyện Phú Thiện	7		x

- Năm 2021 có 04 lượt tập huấn với 10 cán bộ TTYT tham gia các chương trình hội thảo, khóa tập huấn về chính sách BHYT, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và được cấp 06 chứng chỉ, 04 chứng nhận.

- Năm 2022 có 31 lượt tập huấn với 126 cán bộ TTYT tham gia các chương trình hội thảo, khóa tập huấn về chính sách BHYT, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và được cấp 58 chứng chỉ, 68 chứng nhận.

2.2. Về cơ sở vật chất phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh BHYT:

- *Việc tổ chức bộ phận đón tiếp, thông tin, hướng dẫn người bệnh về thủ tục đến khám, nhập viện hoặc chuyển viện sau khi khám bệnh:*

Trung tâm Y tế Phú Thiện có bộ phận đón tiếp, thông tin, hướng dẫn người bệnh về thủ tục đến khám, nhập viện hoặc chuyển viện sau khi khám bệnh; chỉ định thủ thuật/ phẫu thuật. Cụ thể:

+ Đối với người bệnh khám bệnh tại khoa Khám bệnh – Liên chuyên khoa các ngày, giờ hành chính (từ thứ 2 đến thứ 6) và ngoài giờ hành chính tại khoa Hồi sức cấp cứu: Có phân công nhân viên tiếp đón, hướng dẫn, tư vấn người bệnh thực hiện các thủ tục khám bệnh theo quy trình.

+ Đối với người bệnh nhập viện: Tiếp đón, bố trí giường cho người bệnh, nội quy, quy định của khoa.

+ Đối với người bệnh có chỉ định thủ thuật/ phẫu thuật phải được bác sỹ thông báo, giải thích trước cho người bệnh, người nhà người bệnh về tình trạng bệnh, phương pháp thủ thuật/phẫu thuật, khả năng rủi ro có thể xảy ra và thực hiện đầy đủ công tác chuẩn bị theo quy định.

+ Đối với người bệnh ra viện hoặc chuyển tuyến: Công khai chi tiết từng khoản chi phí trong phiếu thanh toán giá dịch vụ y tế mà người bệnh phải thanh toán. Thực hiện các thủ tục cho người bệnh ra viện hoặc chuyển tuyến theo quy định.

- *Việc bố trí bàn khám cho người bệnh có thể BHYT ở vị trí thuận lợi, số bàn khám BHYT phù hợp với số lượng người bệnh BHYT đến khám:* Khoa khám bệnh bố trí đầy đủ số bàn khám bệnh, vị trí thuận lợi, số bàn khám phù hợp số lượng người đến khám. Mỗi bàn khám không vượt quá 65 lượt khám 1 bác sỹ/ngày.

- Việc sắp xếp chỗ ngồi, che nắng, che mưa, thoáng mát, hợp vệ sinh cho người bệnh, kết hợp tuyên truyền Giáo dục sức khỏe, chính sách BHYT tại khu vực khám chữa bệnh bằng hệ thống truyền hình, tranh ảnh: Khu chờ khám có bố trí đầy đủ ghế ngồi, che nắng, che mưa, thoáng mát về mùa hè, ấm vào mùa đông, hợp vệ sinh cho người bệnh. Có bố trí tivi cho người bệnh, người nhà xem các kênh truyền thông về sức khỏe trong lúc chờ khám. Truyền thông - GDSK cho người bệnh bằng hình thức: Người bệnh khi thăm khám được bác sỹ, điều dưỡng giải thích về tình hình bệnh tật và chế độ ăn uống, nghỉ ngơi phù hợp từng bệnh lý. Các góc truyền thông của các khoa lâm sàng mở loa, đài truyền thông.

- Đảm bảo cung cấp nước sạch, vệ sinh buồng bệnh an toàn cho người bệnh và nhân viên y tế: TTYT bố trí các máy lọc nước để đảm bảo phục vụ nhu cầu cho bệnh nhân và người nhà đến KCB tại tất cả các khoa, phòng, trạm Y tế xã. Hợp đồng với Công ty nước sạch TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Gia Lai. Hợp đồng với Công ty TNHH Hậu Sanh, hợp đồng quan trắc môi trường với Công ty Minh Phú hàng năm để đảm bảo môi trường TTYT xanh, sạch, đẹp.

- Thực hiện xử lý rác thải y tế, vệ sinh môi trường:

TTYT thu gom nước thải y tế chung toàn viện, nước thải từ các nguồn thải khác nhau như: nước thải sinh hoạt của bệnh nhân, nhân viên y tế, nước thải phòng xét nghiệm, các khoa Khám, khoa HSCC, khoa Ngoại tổng hợp, khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản, khoa Nội nhi có chứa nhiều hóa chất, được xử lý bằng hệ thống xử lý chất thải lỏng của TTYT.

Việc xử lý rác thải rắn Y tế: TTYT ký hợp đồng với Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế theo quy định tại Thông tư 20/2021/TT- BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế. Năm 2021, ký hợp đồng số 95/2020/HĐ-CTRYT với 699kg; hợp đồng số 95A/2021/HĐ-CTRYT với 968kg; hợp đồng số 95B/2021/HĐ-CTRYT với 1127kg; hợp đồng số 95C/2021/HĐ-CTRYT với 1210kg. Năm 2022, hợp đồng 29/2022/HĐ-CTRYT với 1589kg; hợp đồng 29-1/2022/HĐCTRYT với 2725kg.

Việc xử lý rác thải sinh hoạt: TTYT ký hợp đồng với Ban quản lý Đô thị huyện Phú Thiện thu gom và xử lý. Năm 2021, hợp đồng số 27/HĐ/2021 ngày 05/01/2021. Năm 2022, hợp đồng số 14/HĐ/2022 ngày 01/01/2022.

2.3. Về việc phổ biến, tập huấn, triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn liên quan đến chính sách BHYT:

TTYT đã phổ biến, tuyên truyền, triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn liên quan đến chính sách BHYT cho cán bộ y tế tại đơn vị. Lòng ghép tuyên truyền, phổ biến chính sách BHYT đến toàn thể nhân viên y tế trong các buổi họp khoa, phòng. Tăng cường công tác đào tạo về chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, viên chức y tế cả ngắn hạn và dài hạn nhằm phát huy các kỹ thuật mới cũng như đáp ứng ngày càng cao về nhu cầu khám, chăm sóc, điều trị của người dân trên địa bàn huyện.

2.4. Đánh giá hoạt động triển khai thực hiện chính sách BHYT

2.4.1. Thực trạng công tác tổ chức khám bệnh, chữa bệnh và thanh, quyết toán chi phí KCB BHYT:

TTYT đã tổ chức khám, chữa bệnh BHYT cho các đối tượng có BHYT cơ bản đúng quy trình, quy định. Việc thanh quyết toán chi phí KCB cho người bệnh BHYT theo đúng quy định thông qua hợp đồng đã ký với Bảo hiểm xã hội huyện.

TTYT và BHXH huyện Phú Thiện đã thực hiện ký hợp đồng và thanh lý hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh BHYT đảm bảo về thời gian, nội dung theo quy định tại Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biên pháp thi hành một số điều của Luật BHYT và Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện BHYT.

2.4.2. Về nội dung, chủ thể, thời gian ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh BHYT;

TTYT ký hợp đồng khám chữa bệnh BHYT với Bảo hiểm xã hội huyện Phú Thiện theo hợp đồng hàng năm. Nội dung thỏa thuận và cam kết thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Năm 2021: Trung tâm Y tế đã ký hợp đồng khám chữa bệnh bảo hiểm y tế số 12/HĐKCB-BHYT ngày 23/12/2020 với BHXH huyện Phú Thiện, thời hạn hợp đồng từ 01/01/2021 đến hết 31/12/2021.

- Năm 2022: Trung tâm Y tế đã ký hợp đồng khám chữa bệnh bảo hiểm y tế số 13/HĐKCB-BHYT ngày 28/12/2021 với BHXH huyện Phú Thiện, thời hạn hợp đồng từ 01/01/2022 đến hết 31/12/2022.

2.4.3. Về thực trạng tổ chức khám bệnh, chữa bệnh BHYT theo quy định của pháp luật:

- *Về trách nhiệm thực hiện các quy định về tổ chức quy trình khám bệnh, chữa bệnh tại khoa khám bệnh:* TTYT thực hiện theo các quy định tại Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12; Quy chế bệnh viện ban hành theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/09/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số 1313/QĐ-BYT ngày 22/04/2013 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn quy trình khám bệnh tại khoa khám bệnh. Đồng thời đã ban hành và tổ chức quy trình khám bệnh, chữa bệnh tại khoa khám bệnh. Tuân thủ các quy chế chuyên môn, đặc biệt là quy chế cấp cứu, vào viện, ra viện, chuyển viện, hội chẩn, kê đơn thuốc, chỉ định làm các xét nghiệm, các thủ thuật và các dịch vụ y tế hợp lý, hiệu quả và an toàn theo đúng quy định. Tiếp đón bệnh nhân thông qua việc máy quét mã vạch tự động, hệ thống báo gọi nhân viên cấp cứu. Bên cạnh đó, đơn vị cũng đã đầu tư để thẩm định cấp phép xả thải và đăng ký chủ nguồn nước đảm bảo cho hoạt động khám chữa bệnh.

- *Về trách nhiệm thực hiện các quy định về chỉ định sử dụng dịch vụ kỹ thuật, thuốc, vật tư y tế, đặc biệt là chỉ định xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, phẫu thuật, thủ thuật, chỉ định người bệnh vào điều trị nội trú:* TTYT thực hiện các quy định theo Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư 30/2018/TT-BYT ngày 30/10/2018 của Bộ Y tế ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia BHYT.

- *Về trách nhiệm thực hiện nội dung chuyên môn, quy chế, quy trình chuyên môn trong KCB BHYT:* Việc thực hiện thủ tục khám bệnh, chữa bệnh BHYT tại TTYT được tổ chức theo quy định, hướng dẫn của luật BHYT. Trung tâm Y tế đã xây dựng quy trình khám bệnh cho đối tượng có thẻ BHYT và đối tượng không có thẻ BHYT theo Quyết định 1313/2013/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn quy trình khám bệnh tại khoa khám bệnh của bệnh viện. Tại khoa khám bệnh đơn vị

đã công khai quy trình khám bệnh, chữa bệnh BHYT và quy trình khám bệnh, chữa bệnh dịch vụ để người dân biết thực hiện và giám sát quá trình thực hiện của cán bộ viên chức đơn vị.

- *Về cơ sở pháp lý trang thiết bị y tế thực hiện khám chữa bệnh BHYT:* TTYT được đầu tư, từ các nguồn dự án, trái phiếu chính phủ năm 2013, nguồn dự án ADB 86 (Mekong) năm 2020 và nguồn xổ số kiến thiết năm 2021. Ngoài ra TTYT được đầu tư trang thiết bị y tế về mua sắm đấu thầu đúng quy định. Đảm bảo cho công tác khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn huyện Phú Thiện.

- *Về trách nhiệm thực hiện các quy định về thời gian gửi báo cáo đề nghị thanh, quyết toán và tạm ứng kinh phí KCB BHYT:* TTYT thực hiện gửi báo cáo đề nghị thanh quyết toán theo đúng thời gian quy định theo hợp đồng.

- *Về trách nhiệm phối hợp thực hiện các quy định xác định tổng mức thanh toán chi phí KCB BHYT tại cơ sở KCB:* Hàng năm sau khi nhận được báo cáo quyết toán chi phí KCB, nếu cơ sở y tế có vượt tổng mức thì phải báo cáo giải trình thuyết minh nguyên nhân vượt tổng mức là cơ sở để cấp kinh phí.

- *Về thực trạng thực hiện tạm ứng kinh phí, thanh quyết toán chi phí KCB BHYT tại cơ sở KCB:* TTYT là đơn vị tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên, hàng năm thực hiện ký Hợp đồng KCB bảo hiểm y tế với cơ quan BHXH theo hình thức giá dịch vụ.

Số liệu quyết toán chi phí khám chữa bệnh BHYT năm 2021, 2022:

Năm	Số tiền đơn vị đề nghị quyết toán	Số kinh phí trên biên bản quyết toán	Số tạm ứng và quyết toán trong năm	Số kinh phí chưa chấp nhận thanh toán còn đang giải trình do vượt tổng mức thanh toán	Ghi chú
2021	7.430.961.787	7.346.250.101	8.809.638.383	0	
2022	9.404.978.585	9.325.875.971	8.975.163.362	2.146.000.000	Quý 4/2022 chưa có biên bản quyết toán.
Tổng cộng	16.475.841.372	16.671.754.346	17.784.801.745	2.146.000.000	

Cơ quan BHXH huyện thực hiện tạm ứng kinh phí chi phí KCB BHYT cho đơn vị theo đúng thời gian quy định tại hợp đồng KCB BHYT hàng năm, tuy nhiên riêng quý 4 hàng năm việc quyết toán chi phí KCB BHYT còn chậm.

- *Tình hình gia tăng chi phí, vượt tổng mức tại cơ sở, tổng chi phí mà bệnh viện chưa được thanh toán (nếu có) và lý do chưa được thanh toán:*

Năm 2021, cơ quan BHXH đã thanh toán đầy đủ chi phí đã quyết toán. Quý 4/2022 chưa có biên bản thanh quyết toán chi phí KCB do chưa xác định chi phí tăng giảm Cn của năm 2022 dẫn đến chưa tính được tổng mức thanh toán năm 2022 vì còn vướng tại khoản 4,5 Điều 24 của nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính Phủ. Phần chi phí vượt so với năm 2021 là 2.146.000.000 đồng.

2.4.4. Tình hình cung ứng, sử dụng thuốc, hóa chất, vật tư y tế (không thanh tra công tác đấu thầu, mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư y tế)

TTYT tiếp nhận các văn bản quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu mua thuốc, vật tư y tế: Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Thông tư 15/2019/TT- BYT ngày 11/6/2019 của Bộ Y tế về việc Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

TTYT đã ban hành các văn bản liên quan đến hoạt động đấu thầu mua thuốc: Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thuốc và điều trị ngày 09/7/2020 về việc xây dựng kế hoạch cung ứng thuốc để đấu thầu tập trung năm 2021-2022; Quyết định số 89A /QĐ-TTYT ngày 10/7/2020 của Giám đốc TTYT về việc phê duyệt danh mục, số lượng thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương giai đoạn 2021-2022 của TTYT; Báo cáo số 487A/BC-TTYT ngày 13/07/2020 của TTYT về việc Báo cáo tình hình mua thuốc, sử dụng thuốc thực tế năm 2019 và dự kiến nhu cầu sử dụng thuốc trong giai đoạn 2021-2022; Tờ trình số 485A/TTr- TTYT ngày 10/7/2020 của TTYT về việc xin phê duyệt danh mục, số lượng thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2021-2022 của TTYT.

TTYT đã ban hành các văn bản liên quan đến hoạt động đấu thầu mua hoá chất, vật tư y tế: Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-TTYT ngày 06/03/2020 của Giám đốc TTYT về việc thành Hội đồng xây dựng danh mục mua sắm trang thiết bị y tế năm 2020 của TTYT; Căn cứ biên bản họp của Hội đồng xây dựng danh mục ngày 19/3/2020 về việc xây dựng kế hoạch vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm năm 2020-2021; Quyết định số 47/QĐ-TTYT ngày 07/4/2020 của Giám đốc TTYT về việc phê duyệt danh mục Danh mục mua sắm vật tư y tế tiêu hao, hóa chất sinh phẩm y tế năm 2020 của TTYT từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị năm 2020; Căn cứ Công văn số 615/SYT-KHTC ngày 13/4/2020 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt danh mục mua sắm vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm của TTYT huyện Phú Thiện năm 2020; Căn cứ Công văn số 2831/SYT-KHTC ngày 22/08/2022 của Sở y tế Gia Lai về việc phê duyệt chủ trương và danh mục vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm y tế của TTYT năm 2022-2023.

Kết quả hoạt động đấu thầu mua thuốc tại TTYT năm 2021-2022:

STT	Gói Thầu	Công văn phân khai kết quả trúng thầu thuốc năm 2021-2022	Hình thức mua sắm	Tổng tiền
1	Gói thầu số 1: Gói thầu thuốc Generic	2543/SYT-NVD ngày 28/12/2020	Đấu thầu tập trung cấp địa phương	8,866,297,250
2	Gói thầu số 3: Gói thầu thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu	2530/SYT –NVD ngày 25/12/2020	Đấu thầu tập trung cấp địa phương	2,439,155,000
3	Gói thầu số 1: Gói thầu thuốc Generic bổ sung	2280/SYT-NVD ngày 26/8/2021	Đấu thầu tập trung cấp địa phương	801,869,000

Kết quả hoạt động đấu thầu mua vật tư y tế hóa chất, sinh phẩm y tế tại TTYT năm 2021-2022:

STT	Gói Thầu	Công văn phân khai kết quả trúng thầu thuốc năm 2021-2022	Hình thức mua sắm	Tổng tiền
1	Gói 1.Vật tư y tế năm 2020	192 /QĐ-TTYT ngày 06/10/2020	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	3.003.594.548
2	Gói 2.Vật tư y tế khác năm 2020	191 /QĐ-TTYT ngày 06/10/2020	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	1.087.155.000
3	Gói 3. Hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế năm 2020	191/QĐ-TTYT ngày 06/10/2020	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	3.454.945.000

TTYT tiếp nhận các văn bản quản lý nhà nước về công tác như quản lý, cung ứng thuốc tại Trung tâm: Thông tư 22/2011/TT- BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế Quy định về tổ chức và hoạt động của Khoa Dược của Bệnh viện, Thông tư 21/2013/TT-BYT ngày 08/8/2013 của Bộ Y tế qui định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thuốc & điều trị trong Bệnh viện, Quyết định 772/QĐ-BYT ngày 04/3/2016 của Bộ Y tế về ban hành tài liệu hướng dẫn thực hiện quản lý sử dụng kháng sinh trong Bệnh viện.

TTYT đã ban hành các văn bản liên quan đến hoạt động quản lý, cung ứng thuốc như: Quyết định thành lập Hội đồng thuốc và điều trị, Quyết định thành lập đơn vị thông tin thuốc, Quy trình cấp phát thuốc nội, ngoại trú, Quy trình cấp phát thuốc trong Bệnh viện từ khoa dược đến người bệnh, Quy trình giám sát ADR tại Bệnh viện, Quy trình giám sát sai sót trong sử dụng thuốc, Quy trình kiểm nhập, Quy trình thông tin thuốc, Quy trình quản lý thuốc tử trực, Quy trình bổ sung hoặc loại bỏ thuốc ra khỏi danh mục, danh mục thuốc nhìn giống nhau, đọc giống nhau (LASA).

Tuy nhiên, có 58 mặt hàng mặt hàng thuốc TTYT xây dựng kế hoạch cung ứng thuốc nhưng thực tế sử dụng thấp hơn 50% so với kế hoạch (*đính kèm Phụ lục 1*).

2.4.5. Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong KCB và giám định, thanh toán chi phí KCB BHYT:

- Về trách nhiệm triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong KCB BHYT: TTYT sử dụng phần mềm quản lý bệnh viện VIMES từ 01/07/2015, bao gồm 09 module, đã triển khai đồng bộ 09 Module: Tiếp đón, khám bệnh, điều trị nội trú, dược vật tư, viện phí, quản lý hồ sơ bệnh án, báo cáo thống kê, quản lý xét nghiệm, quản lý nhân sự. Các Trạm đều được kết nối mạng ADSL. Việc liên thông dữ liệu phục vụ cho thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT từ TTYT đến Trạm y tế xã thực hiện đầy đủ, đồng bộ từ huyện đến xã các yêu cầu nhằm phục vụ tốt công tác KCB theo hướng dẫn của BYT và BHXH Việt Nam. Cơ sở đã thực hiện trích xuất được dữ liệu đầu ra theo Quyết định số 4210/QĐ-BYT ngày 20/9/2017.

- Về mã hóa, ánh xạ các dịch vụ y tế: Đã hoàn thành ánh xạ được tất cả các danh mục dùng chung của đơn vị nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu KCB tại tuyến huyện và xã.

- Tình hình liên thông, trích chuyển dữ liệu điện tử KCB và gửi dữ liệu đề nghị thanh toán BHYT: TTYT huyện đã thực hiện được việc chuyển dữ liệu trực tiếp lên

Công tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin giám định BHYT của cơ quan BHXH và Công tiếp nhận dữ liệu của Bộ Y tế trong 24h tính từ thời điểm cơ sở KCB kết thúc đợt khám bệnh, chữa bệnh đối với người bệnh. Đối với các Trạm y tế xã, đã thực hiện chuyển dữ liệu trực tiếp từ HIS ONE đã được đẩy lên Công tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin giám định BHYT của cơ quan BHXH và Công tiếp nhận dữ liệu của Bộ Y tế theo Thông tư số 48/2017/TT-BYT.

- Về tổng số hồ sơ gửi thanh toán qua điện tử, số hồ sơ giám định trên điện tử và số hồ sơ bị từ chối thanh toán, lý do từ chối, tổng số tiền từ chối:

Trong quá trình triển khai thanh, quyết toán chi phí KCB BHYT vẫn còn một số hồ sơ từ chối thanh toán như sau:

	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số hồ sơ gửi thanh toán	37.571 hồ sơ	47.368 hồ sơ
Tổng số hồ sơ bị từ chối thanh toán	115 hồ sơ	169 hồ sơ
Tổng số chi phí từ chối thanh toán	8.202.565 đồng	11.832.723 đồng
Lý do từ chối thanh toán	Sai về thủ tục hành chính: Sai tên, sai giới tính, sai nơi đăng ký KCB ban đầu, không có chữ ký bệnh nhân, Y sĩ, bác sĩ nghỉ bù mà ký khám bệnh; Chỉ định thuốc không đúng theo Thông tư 30/TT-BYT; Chỉ định thuốc không đúng theo CV 198/GĐĐT- NVGD; 22098/QLD-ĐK, thuốc chưa được phê duyệt; Thuốc chống chỉ định; Mã thẻ không có dữ liệu thẻ;	Áp giá sai; Sai về thủ tục hành chính: sai tên, sai giới tính, nơi đăng ký KCB ban đầu, sai giới tính; Chỉ định thuốc không đúng theo Thông tư 30/TT-BYT; Chỉ định thuốc không đúng theo CV 198/GĐĐT- NVGD; 22098/QLD-ĐK, thuốc chưa được phê duyệt; thuốc chống chỉ định Theo quy định tại mục III, danh mục chuyên môn kỹ thuật trong KCB ban hành kèm theo thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở KCB, các DVKT xếp tại mục III. Nhi khoa được quy định "áp dụng riêng đối với chuyên ngành Nhi". Do đó, quỹ BHYT thanh toán chi phí các DVKT thuộc mục III nêu trên theo quy định hiện hành khi cơ sở KCB chỉ định và thực hiện trên các đối tượng bệnh nhân Nhi (BN trên 16 tuổi không áp dụng mã khoa nhi);

		Bệnh nhân không có mặt tại khoa điều trị nội trú lúc giám định đi điểm danh bệnh nhân; định tại khoản 1, khoản 6 Công văn 3100/BYT-BH ngày 20/04/2021 của Bộ Y tế; Điều dưỡng ra y lệnh thay Bác sỹ, nghỉ bù mà ký người lập bảng kê, mã bác sỹ không đúng, nhân lực trạm y tế xã Iapeng mà có tài khoản của trạm y tế xã Iapiar, Bác sỹ nghỉ bù mà kê đơn thuốc, Bác sỹ không tăng cường xã Chư A Thai mà cho y lệnh.
--	--	--

Ngoài ra, qua đối soát trên dữ liệu XML với danh mục nhân viên y tế đơn vị đã cập nhật lên công Giám định BHYT cùng các chứng từ, hồ sơ, tài liệu. TTYT còn đề phát sinh lỗi: Nhân viên y tế tự khám bệnh (*Đính kèm phụ lục 2*); Nhân viên y tế nằm viện vẫn phát sinh y lệnh trên XML (*Đính kèm phụ lục 3*). Cụ thể:

STT	Nội dung	2021	2022	Tổng
1	Nhân viên y tế tự khám bệnh	1.023.638	2.479.629	3.503.267
2	Nhân viên y tế nằm viện vẫn phát sinh y lệnh trên XML	292.336	2.537	294.873
TỔNG CỘNG				3.798.140

2.4.6. Về công tác giám định đảm bảo quyền lợi người bệnh và thanh, quyết toán chi phí KCB BHYT:

+ *Tình hình phối kết hợp giữa bệnh viện và cơ quan Bảo hiểm xã hội (BHXH) và giám định viên BHYT trong việc đảm bảo quyền lợi người bệnh BHYT: TTYT đã phối kết hợp chặt chẽ với cơ quan BHYT để đảm bảo quyền lợi cho người bệnh như khi có sự thay đổi về chế độ hưởng, giai đoạn hết hạn thẻ BHYT.*

+ *Về thực trạng giám định, tổng số hồ sơ giám định và tổng số hồ sơ từ chối thanh toán, tổng số chi phí từ chối thanh toán, lý do từ chối thanh toán thông qua giám định trực tiếp*

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022
1. Tổng số hồ sơ gửi thanh toán	37.571	47.368
2. Số hồ sơ từ chối	115	169
3. Số tiền từ chối	84.711.685	79.102.614
4. Số thẻ đăng kí ban đầu	51.861	58.153
5. Tỷ lệ gửi hồ sơ thanh toán	76.45%	90.91%
6. Số tiền đơn vị đề nghị thanh toán	7.430.961.787	9.404.978.585
7. Số kinh phí trên biên bản quyết toán	7.346.250.101	9.325.875.971
8. Số tạm ứng trong năm + số quyết toán	8.809.838.383	8.975.163.362
9. Số kinh phí chưa được chấp nhận còn đang giải trình	0	2.146.102.828

2.4.7. *Việc triển khai nâng cao ý đức, tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh, thực hiện quy tắc ứng xử, kỹ năng giao tiếp với người bệnh; tự kiểm tra, giám sát thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.*

Thực hiện Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ Y tế quy định về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế và Quyết định số 2151/QĐ-BYT ngày 04/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về triển khai thực hiện “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”, TTYT đã tổ chức 02 lớp tập huấn nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh, đồng thời triển khai ký lại cam kết thực hiện “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”: ký cam kết thực hiện giữa thủ trưởng đơn vị và chủ tịch công đoàn cơ sở với các khoa, phòng, tổ công đoàn; từng cá nhân ký cam kết thực hiện; Tổ chức phổ biến, học tập lại Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên; Tổ chức ký cam kết Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên trong TTYT. TTYT có niêm yết quy định làm việc hàng ngày, Quy tắc ứng xử tại các trụ sở làm việc của TTYT, trạm y tế xã.

Qua công tác tự kiểm tra, giám sát thực hiện quy tắc ứng xử tới các khoa phòng nhận thức của cán bộ, nhân viên tại các đơn vị có những bước chuyển biến tích cực, hầu hết các ý kiến người bệnh, người nhà phản ánh về tinh thần thái độ phục vụ của nhân viên y tế luôn nhiệt tình, vui vẻ, niềm nở, chuyên nghiệp,...

2.4.8. Công tác tổ chức triển khai tiếp nhận và xử lý thông tin các ý kiến của người bệnh qua hòm thư góp ý, đường dây nóng và các kênh thông tin khác. Thiết lập bộ phận tiếp dân để giải quyết kịp thời những thắc mắc, khiếu nại của người bệnh BHYT: TTYT đã niêm yết thông tin về số điện thoại đường dây nóng cơ quan, số điện thoại lãnh đạo đơn vị tại các khoa. Phân công người tiếp nhận và xử lý các ý kiến phản ánh của người bệnh và người nhà. Có hòm thư góp ý để người bệnh đóng góp ý kiến, tổ chức triển khai hoạt động tiếp nhận và giải quyết các phản ánh, kiến nghị thông qua hệ thống hòm thư góp ý, đường dây nóng. Trong năm 2021-2022, đơn vị chưa có các phản ánh liên quan đến công tác khám chữa bệnh.

3. Kết luận về những nội dung đã tiến hành thanh tra:

3.1. Ưu điểm:

- TTYT cơ bản đã thực hiện tốt chính sách chính sách, pháp luật BHYT tại đơn vị, đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người bệnh BHYT. Chưa phát hiện tình trạng lạm dụng, trục lợi quỹ khám chữa bệnh BHYT.

- TTYT đã triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, chính sách về BHYT dưới nhiều hình thức: tổ chức tập huấn, phổ biến Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn thi hành đến toàn thể viên chức, lao động.

- Hoạt động triển khai thực hiện chính sách BHYT thực hiện đảm bảo theo quy định: về công tác ký hợp đồng và thanh lý hợp đồng BHYT; tổ chức quy trình khám bệnh, chữa bệnh tại khoa, công tác tổ chức khám, điều trị kê đơn thuốc cho người bệnh BHYT; thực hiện quy định về quy chế, quy trình chuyên môn chỉ định sử dụng dịch vụ kỹ thuật, thuốc vật tư y tế; công tác giám định bảo đảm quyền lợi người bệnh; quyết toán chi phí khám chữa bệnh BHYT.

3.2. Tồn tại:

- Về công tác quản lý, cung ứng thuốc tại TTYT: Một số mặt hàng thuốc TTYT xây dựng kế hoạch cung ứng thuốc nhưng tình hình thực tế sử dụng thấp hơn 50% so với kế hoạch là 58 mặt hàng.

- Kho bảo quản thuốc thiếu giá kệ, pallet, thiết bị điều hoà nhiệt độ.

- Qua đối soát trên dữ liệu XML với danh mục nhân viên y tế đơn vị đã cập nhật lên cổng Giám định BHYT cùng các chứng từ, hồ sơ, tài liệu do TTYT cung cấp: Nhân viên y tế tự khám bệnh; Nhân viên y tế nằm viện vẫn phát sinh y lệnh trên XML.

4. Đề xuất, kiến nghị:

4.1. Đối với Giám đốc BHXH tỉnh:

Đề nghị BHXH huyện xuất toán tổng số tiền **3.798.140đồng** của TTYT. Trong đó, nhân viên y tế tự khám bệnh với số tiền 3.503.267đồng; Nhân viên y tế nằm viện vẫn phát sinh y lệnh trên XML với số tiền 294.873đồng.

4.2. Đối với Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện:

- Xây dựng kế hoạch cung ứng thuốc phù hợp với tình hình sử dụng thực tế.
- Trang bị đầy đủ giá kệ, pallet, thiết bị tại kho bảo quản thuốc của đơn vị.
- Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin và tự động hóa trong quy trình tiếp nhận, khám bệnh, quản lý người bệnh nằm viện, quản lý hồ sơ bệnh án.
- Khắc phục nghiêm tình trạng nhân viên y tế tự khám bệnh; Nhân viên y tế nằm viện vẫn phát sinh y lệnh trên XML.

Trên đây là Kết luận thanh tra về việc thực hiện chính sách BHYT tại TTYT huyện Phú Thiện của Sở Y tế Gia Lai./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- TTYT huyện Phú Thiện;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai;
- Đăng Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, TTr.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lý Minh Thái

DANH MỤC 58 MẶT HÀNG THUỐC SỬ DỤNG THẤP HƠN 50% SO VỚI KẾ HOẠCH*(Kèm Kết luận số /KL-SYT ngày /5/2023 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai)*

STT	Mã số	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất
1	G1556	4	METOCLOPRA MID KABI 10MG	Metoclopramid hydroclorid	10mg/ 2ml	Hộp 12 ống x 2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm tĩnh mạch - Tiêm bắp	36 tháng	VD-27272-17	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam
2	G1610	4	Agimol 325	Paracetamol	325mg	Hộp/10 gói 1,6g	Thuốc cốm	Uống	36 tháng	VD-22791-15	Chi nhánh Công ty CPDP Agimexpharm- Nhà máy sản xuất DP Agimexpharm	Việt Nam
3	G1307	3	Kaldyum	Kali clorid	600mg	Hộp 1 lọ 50 viên	Viên nang giải phóng chậm	Uống	48 tháng	VN-15428-12 (Cv gia hạn số 14199/QLD- ĐK ngày 21/08/2019)	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary
4	G1478	4	GENTAMICIN KABI 80MG/2ML	Gentamicin	80mg/ 2ml	Hộp 50 ống x 2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm truyền tĩnh mạch - Tiêm bắp	24 tháng	VD-20944-14	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam
5	G1695	4	Vitamin C 500mg	Vitamin C	500mg	Hộp 10 vi x 10 viên nén bao film	Viên nén	Uống	24 tháng	VD-25768-16	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam

6	G1611	4	Babemol	Paracetamol	120mg/ 5ml, 5ml	H/30 gói x 5ml	Siro	Uống	36 tháng	VD-21255-14 (Gia hạn số 16390/QLD- ĐK ngày 20/09/2019)	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam
7	G1009	1	Cordarone 150mg/3ml	Amiodaron hydroclorid	150mg/ 3ml	Hộp 6 ống x 3ml	Dung dịch tiêm	Tiêm tĩnh mạch	24 tháng	VN-20734-17	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp
8	G1652	4	Sorbitol 5g	Sorbitol	5g	Hộp 20 gói x 5g	Thuốc bột pha dung dịch uống	Uống	24 tháng	VD-25582-16	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam
9	G1484	4	Cisse	Glucosamin hydroclorid	750mg	Hộp 6 vi x 10 viên; hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-27448-17	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam
10	G1537	4	Atirlic forte	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	0,8g + 0,8g + 0,1g	Hộp 20 gói x 10g	Hỗn dịch uống	Uống	24 tháng	VD-26750-17	Công ty cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam
11	G1328	4	Pidocyclic 75/100	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	100mg +75mg	Hộp 3 vi x10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-31340-18	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam
12	G1407	4	Clorpheniramin	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	4mg	Chai 1000 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-32848-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam
13	G1072	1	Berodual	Fenoterol + ipratropium	(0,05mg + 0,02mg)/ liều, 10ml	Hộp 1 bình xịt 200 nhát xịt (10ml)	Dung dịch khí dung	Xịt	24 tháng	VN-17269-13 (có CV gia hạn số 5306/QLD- ĐK ngày 10/04/2019)	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức
14	G1133	1	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	Nicardipin hydroclorid	10mg/ 10ml	Hộp 10 ống x 10ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	24 tháng	VN-19999-16	Laboratoire Aguettant	Pháp

15	G1351	4	Augbidil 250mg/31,25mg	Amoxicilin + acid clavulanic	250mg + 31,25mg	Hộp 20 gói x 1g	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	24 tháng	VD-26363-17	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam
16	G1514	4	Ketovazol 2%	Ketoconazol	2%/ 5g	Hộp/1 tuýp 5g	Kem bôi da	Dùng ngoài	24 tháng	VD-18694-13 (CV gia hạn 21022/QLD- ĐK ngày 17/12/2019)	Công ty CPDP Agimexpharm	Việt Nam
17	G1669	4	Tinidazol	Tinidazol	500mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-22177-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam
18	G1491	4	GLUCOSE KABI 30%	Glucose	30%/ 5ml	Hộp 50 ống x 5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm tĩnh mạch	36 tháng	VD-29315-18	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam
19	G1686	4	Neutrivit 5000	Vitamin B1 + B6 + B12	50mg + 250mg + 5000mcg	Hộp 4 lọ + 4 ống dung môi 5ml	Bột đông khô	Tiêm	36 tháng	VD-20671-14	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam
20	G1319	3	Para-OPC 150mg	Paracetamol (acetaminophen)	150mg	Hộp 12 gói x 640mg	Thuốc bột sủi bọt	Uống	36 tháng	VD-26951-17	CN Cty CP DP OPC tại Bình Dương-Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam
21	G1615	4	Panactol	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Chai 1000 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-18743- 13(CV gia hạn 17000/QLD- ĐK ngày 16/11/2019)	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam

22	G1578	4	Theresol	Natri clorid + Kali clorid + Natri citrat dihidrat + Glucose khan	(0,7g+ 0.3g + 0.58g+ 4g)/ 5,63g	Hộp 20 gói x 5,63g	Thuốc bột pha dung dịch uống	Uống	36 tháng	VD-20942-14	Công ty Cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hóa(Thephaco)	Việt Nam
23	G1605	4	Vinphatoxin	Oxytocin	10UI	Hộp 1 vi x 10 ống x 1ml, hộp 5 vi x 10 ống x 1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VD-26323-17	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam
24	G1388	4	Biceflexin powder	Cefalexin	250mg	Hộp 12 gói x 1,4g	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	24 tháng	VD-18250-13 (CV gia hạn 5380/QLD-ĐK ngày 29/4/2020)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam
25	G1557	4	Metronidazole 0,5g/100ml	Metronidazol	500mg/ 100ml	Túi 100ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm truyền	36 tháng	VD-34057-20	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed	Việt Nam
26	G1450	4	Drotaverin	Drotaverin hydroclorid	40mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-25706-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam
27	G1350	4	AMOXYCILIN 500mg	Amoxicilin	500mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nang cứng	Uống	36 tháng	VD-20472-14	Vidipha	Việt Nam
28	G1465	4	Mezapizin 10	Flunarizin	10mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-24224-16	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam
29	G1490	4	GLUCOSE 5%	Glucose	5%/ 500ml	Thùng 20 chai nhựa 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	VD-28252-17	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam

30	G1323	3	Vaspycar MR	Trimetazidin HCl	35mg	H/2 vi/30 viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát	Viên giải phóng có kiểm soát	Uống	36 tháng	VD-24455-16	Công Ty CP Pymepharco	Việt Nam
31	G1552	4	Soli-Medon 125	Methyl Prednisolon	125mg	Hộp 1 lọ + 1 ống nước cắt pha tiêm 2ml	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	36 tháng	VD-23777-15	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam
32	G1617	4	Biragan 150	Paracetamol (acetaminophen)	150mg	Hộp 2 vi x 5 viên	Thuốc đạn	Đặt hậu môn	36 tháng	VD-21236-14	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam
33	G1290	3	Cefuroxime 125mg	Cefuroxim	125mg	Hộp 10 gói x 3,5g	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	24 tháng	VD-23598-15	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam
34	G1525	4	LIDOCAIN KABI 2%	Lidocain hydroclorid	40mg/ 2ml	Hộp 100 ống x 2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm bắp - tiêm tĩnh mạch - Tiêm dưới da	36 tháng	VD-31301-18	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam
35	G1577	4	Oresol 4,1 g	Natri clorid + Kali clorid + Natri citrat + Glucose khan	520mg + 300mg + 580mg + 2,7g / 4,1g	Hộp 40 gói x 4,1g	Thuốc bột uống	Uống	36 tháng	VD-28170-17	Công ty cổ phần dược Trung ương 3	Việt Nam

36	G1454	4	ANELIPRA 10	Enalapril maleat	10mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	24 tháng	VD-19964-13 (CV gia hạn 3132/QLD-ĐK ngày 01/4/2020)	Vidipha	Việt Nam
37	G1629	4	Povidon Iod 10%	Povidon iodin	10% / 100ml	Lọ 100 ml	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	36 tháng	VD-23647-15	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam
38	G1012	1	Cardilopin	Amlodipin	5mg	Hộp 3 vi x 10 viên nén	Viên nén	Uống	60 tháng	VN-9648-10 (Cv gia hạn số 20261/QLD- ĐK ngày 05/12/2019)	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary
39	G1639	4	RINGER LACTATE	Ringer Lactate	500ml	Thùng 20 chai nhựa 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	VD-22591-15	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam
40	G1227	2	Fortacef 1g	Cefotaxim	1g	H/1 lọ bột pha tiêm	Thuốc tiêm	Tiêm	36 tháng	VD-21440-14 (có CV gia hạn)	Công Ty CP Pymepharco	Việt Nam
41	G1520	4	LACBIOSYN®	Lactobacillus acidophilus	10 ⁸ CFU	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nang cứng	Uống	36 tháng	QLSP-939-16	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam
42	G1443	4	Dacolfort	Diosmin + hesperidin	450mg + 50mg	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-30231-18	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam
43	G1442	4	Cezmeta	Diosmectit	3g	Hộp 30 gói	Thuốc bột uống	Uống	36 tháng	VD-22280-15	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam
44	G1080	1	Gliclada 60mg modified-release tablets	Gliclazid	60mg	Hộp/ 2 vi x 15 viên	Viên nén giải phóng kéo dài	Uống	24 tháng	VN-21712-19	KRKA, D.d., Novo Mesto	Slovenia

45	G1511	4	Zinbebe	Kẽm gluconat	10mg/ 5ml	Hộp 20 ống 5ml	Siro	Uống	36 tháng	VD - 22887-15	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây	Việt Nam
46	G1238	2	Esovex -40	Esomeprazol	40mg	Hộp 1 lọ	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	24 tháng	VN-19597-16	Naprod Life Sciences Pvt.Ltd	India
47	G1369	4	Berberin	Berberin clorid	100mg	Hộp 20 vi x 10 viên	Viên nang	Uống	24 tháng	VD-19319-13 (CV gia hạn 15656/QLD- ĐK ngày 12/9/2019)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam
48	G1125	1	Paratriam 200mg Powder	N-Acetylcystein	200mg	Hộp 50 gói	Bột pha uống	Uống	36 tháng	VN-19418-15	Lindopharm GmbH	Germany
49	G1321	3	AYITE	Rebamipid	100mg	Hộp/6 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-20520-14	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam
50	G1282	3	Pyfacolor kid	Cefaclor	125mg	H/12 gói 2 gam	Thuốc cốm pha uống	Uống	36 tháng	VD-26427-17	Công Ty CP Pymepharco	Việt Nam
51	G3027	ĐY2	Hoạt huyết thông mạch K/H	Hà thủ ô đỏ, (Bạch thược), Đương quy, Xuyên khung, ích mẫu, Thục địa, (Hồng hoa).	20g; 30g; 30g; 30g; 20g; 40g; 15g	Hộp 1 chai 125 ml	Cao lỏng	Uống	24 tháng	VD-21452-14	Công ty Cổ phần TM Dược VTYT Khải Hà	Việt Nam
52	G3018	ĐY2	Thấp khớp Nam Dược	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bồ cốt chỉ.	1g, 1g, 1.5g, 1g, 1g, 1g, 1g, 1g, 1g, 0.5g	Hộp 4 vi x 10 viên	Viên nang	Uống	36 tháng	V833-H12-10 (CV gia hạn 14567/QLD- ĐK ngày 27/8/2019)	Công ty TNHH Nam Dược	Việt Nam

53	G3055	ĐY2	Thông xoang tán Nam Dược	Tân di, Cảo bản, Bạch chi, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo	200mg, 200mg, 300mg, 200mg, 200mg, 100mg, 200mg, 100mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nang	Uống	36 tháng	V87-H12-13 (CV gia hạn 20692/QLD-ĐK ngày 11/12/2019)	Công ty TNHH Nam Dược	Việt Nam
54	G3034	ĐY2	Ngân kiều giải độc PV	Kim ngân hoa, Liên kiều, Cát cánh, Bạc hà, Đạm trúc diệp, Cam thảo, Kinh giới, Nguu bàng tử, (Đạm đậu sị).	Cao (300mg; 300mg; 180mg; 180mg; 120mg; 150mg; 120mg; 180mg; 150mg) 1680mg	Hộp 5 vi x 10 viên	Viên nang cứng	Uống	36 tháng	VD-26330-17	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Việt Nam
55	G3059	ĐY2	Thuốc uống lục vị	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả.	32g; 16g; 16g; 12g; 12g; 12g	Hộp 1 chai 100ml	Cao lỏng	Uống	36 tháng	VD-32986-19	Nhà máy HDPharma EU- Công ty cổ phần Dược VTYT Hải Dương	Việt Nam
56	G3057	ĐY2	Viên nang Bát vị	Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Trạch tả, Bạch linh, Sơn thù, Phụ tử chế, Quế nhục.	280mg (800mg; 400mg; 300mg; 300mg; 300mg; 400mg; 50mg; 50mg)	Lọ 30 viên	Viên nang cứng	Uống	36 tháng	VD-26452-17	Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà	Việt Nam
57	G3044	ĐY2	Viên nang sâm nhung HT	Nhân sâm, Nhung hươu, (Cao ban long).	20mg; 25mg; 50mg	Hộp 2 vi x 10 viên	Viên nang cứng	Uống	36 tháng	VD-25099-16	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Việt Nam

58	G3015	ĐY2	Diệp hạ châu Vạn Xuân	Diệp hạ châu, Tam thất, Kim ngân hoa, Cam thảo, Thảo quyết minh, Cúc hoa.	Mỗi 2,4g Cao khô hỗn hợp dược liệu tương ứng: (10g; 5g; 2g; 2g; 5g, 1g)	Hộp 20 gói x 10 gam	Thuốc cốm	Uống	36 tháng	VD-29579-18	Công ty TNHH Vạn Xuân	Việt Nam
----	-------	-----	-----------------------	---	---	---------------------------	-----------	------	-------------	-------------	--------------------------	----------

NHÂN VIÊN Y TẾ TỰ Y LỆNH TRÊN XML
(Kèm Kết luận số /KL-SYT ngày /5/2023 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai)

NĂM 2021											
KY_QT	MA_CSKCB	MA_BN	HO_TEN	NGAY_SINH	MA_THE	NGAY_VAO	NGAY_RA	TEN_CP	NGAY_YL	T_BHTT_DTL	MA_BAC_SI
202106	64041	21017930	NGUYỄN THỊ OANH	14/10/1981	HC4643806001982	16/6/2021 10:00	18/6/2021 16:10	Tiêm tĩnh mạch	18/6/2021 8:00	18,240	0001352/GL-CCHN
202106	64041	21017930	NGUYỄN THỊ OANH	14/10/1981	HC4643806001982	16/6/2021 10:00	18/6/2021 16:10	Tiêm tĩnh mạch	16/6/2021 10:00	18,240	0001352/GL-CCHN
202106	64041	21017930	NGUYỄN THỊ OANH	14/10/1981	HC4643806001982	16/6/2021 10:00	18/6/2021 16:10	Tiêm bắp thịt	16/6/2021 10:00	18,240	0001352/GL-CCHN
202103	64220	6422018000090	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	11/3/2021 15:07	11/3/2021 15:17	Varogel S	11/3/2021 15:16	24,150	004346/GL-CCHN
202103	64220	6422018000090	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	11/3/2021 15:07	11/3/2021 15:17	Drotaverin	11/3/2021 15:16	1,960	004346/GL-CCHN
202103	64220	6422018000090	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	11/3/2021 15:07	11/3/2021 15:17	Khám bệnh Trạm y tế	11/3/2021 15:07	27,500	004346/GL-CCHN
202103	64220	6422018000090	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	11/3/2021 15:07	11/3/2021 15:17	ATILIVER DIỆP HẠ CHÂU	11/3/2021 15:16	39,000	004346/GL-CCHN
202107	64220	6422018000090	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	20/7/2021 8:28	20/7/2021 8:37	Varogel S	20/7/2021 8:36	24,150	004346/GL-CCHN
202107	64220	6422018000090	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	20/7/2021 8:28	20/7/2021 8:37	Alzole	20/7/2021 8:36	2,950	004346/GL-CCHN
202107	64220	6422018000090	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	20/7/2021 8:28	20/7/2021 8:37	Amoxicilin 500mg	20/7/2021 8:36	4,720	004346/GL-CCHN
202107	64220	6422018000090	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	20/7/2021 8:28	20/7/2021 8:37	Drotaverin	20/7/2021 8:36	1,960	004346/GL-CCHN
202107	64220	6422018000090	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	20/7/2021 8:28	20/7/2021 8:37	Khám bệnh Trạm y tế	20/7/2021 8:28	27,500	004346/GL-CCHN
202110	64220	6422018000090	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	15/10/202 1 9:53	15/10/202 1 10:02	Paracetamol 500	15/10/202 1 10:01	6,000	004346/GL-CCHN

202110	64220	6422018000090	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	15/10/2021 1 9:53	15/10/2021 1 10:02	Hydrocolacyl	15/10/2021 1 10:01	890	004346/GL-CCHN
202110	64220	6422018000090	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	15/10/2021 1 9:53	15/10/2021 1 10:02	Thuốc ho K/H	15/10/2021 1 10:01	22,000	004346/GL-CCHN
202110	64220	6422018000090	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	15/10/2021 1 9:53	15/10/2021 1 10:02	Khám bệnh Trạm y tế	15/10/2021 1 9:53	27,500	004346/GL-CCHN
202110	64220	6422018000090	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	15/10/2021 1 9:53	15/10/2021 1 10:02	Midatan 500/125	15/10/2021 1 10:01	17,480	004346/GL-CCHN
202101	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	29/1/2021 15:50	29/1/2021 15:59	Clorpheniramin	29/1/2021 15:58	270	0003633/GL-cchn
202101	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	29/1/2021 15:50	29/1/2021 15:59	Agimycob	29/1/2021 15:58	8,673	0003633/GL-cchn
202101	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	29/1/2021 15:50	29/1/2021 15:59	Khám bệnh Trạm y tế	29/1/2021 15:50	27,500	0003633/GL-cchn
202101	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	29/1/2021 15:50	29/1/2021 15:59	Tinidazol	29/1/2021 15:58	3,290	0003633/GL-cchn
202101	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	29/1/2021 15:50	29/1/2021 15:59	Novahexin 5ml	29/1/2021 15:58	27,000	0003633/GL-cchn
202102	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	17/2/2021 9:55	17/2/2021 10:04	Viên nang sâm nhung HT	17/2/2021 10:03	39,800	0003633/GL-cchn
202102	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	17/2/2021 9:55	17/2/2021 10:04	Khám bệnh Trạm y tế	17/2/2021 9:55	27,500	0003633/GL-cchn
202102	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	17/2/2021 9:55	17/2/2021 10:04	Hydrocolacyl	17/2/2021 10:03	1,780	0003633/GL-cchn
202102	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	17/2/2021 9:55	17/2/2021 10:04	Thelizin	17/2/2021 10:03	660	0003633/GL-cchn
202102	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	17/2/2021 9:55	17/2/2021 10:04	Pyfaclo 500mg	17/2/2021 10:03	80,000	0003633/GL-cchn
202107	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	21/7/2021 9:46	21/7/2021 9:55	Augbidil 250mg/31,25 mg	21/7/2021 9:54	25,960	0003633/GL-cchn
202107	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	21/7/2021 9:46	21/7/2021 9:55	Alzole	21/7/2021 9:54	2,950	0003633/GL-cchn
202107	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	21/7/2021 9:46	21/7/2021 9:55	Varogel S	21/7/2021 9:54	24,150	0003633/GL-cchn
202107	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	21/7/2021 9:46	21/7/2021 9:55	Drotaverin	21/7/2021 9:54	1,960	0003633/GL-cchn

202107	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	21/7/2021 9:46	21/7/2021 9:55	Khám bệnh Trạm y tế	21/7/2021 9:46	27,500	0003633/GL- cchn
202107	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	21/7/2021 9:46	21/7/2021 9:55	Ambroxol 30mg	21/7/2021 9:54	1,470	0003633/GL- cchn
202109	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	7/9/2021 15:35	7/9/2021 15:44	Khám bệnh Trạm y tế	7/9/2021 15:35	27,500	0003633/GL- cchn
202109	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	7/9/2021 15:35	7/9/2021 15:44	Clorphenira min	7/9/2021 15:43	270	0003633/GL- cchn
202109	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	7/9/2021 15:35	7/9/2021 15:44	Midatan 500/125	7/9/2021 15:43	17,480	0003633/GL- cchn
202109	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	7/9/2021 15:35	7/9/2021 15:44	Varogel S	7/9/2021 15:43	24,150	0003633/GL- cchn
202109	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	7/9/2021 15:35	7/9/2021 15:44	Alzole	7/9/2021 15:43	1,475	0003633/GL- cchn
202109	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	28/9/2021 9:16	28/9/2021 9:25	Pymeferon B9	28/9/2021 9:24	5,100	0003633/GL- cchn
202109	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	28/9/2021 9:16	28/9/2021 9:25	Dưỡng cốt hoàn	28/9/2021 9:24	34,950	0003633/GL- cchn
202109	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	28/9/2021 9:16	28/9/2021 9:25	Khám bệnh Trạm y tế	28/9/2021 9:16	27,500	0003633/GL- cchn
202109	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	28/9/2021 9:16	28/9/2021 9:25	Neutrifore	28/9/2021 9:24	12,600	0003633/GL- cchn
202109	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	28/9/2021 9:16	28/9/2021 9:25	Meloxicam	28/9/2021 9:24	630	0003633/GL- cchn
202111	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	9/11/2021 15:53	9/11/2021 16:02	Pymeferon B9	9/11/2021 16:01	5,100	0003633/GL- cchn
202111	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	9/11/2021 15:53	9/11/2021 16:02	Buscopan	9/11/2021 16:01	11,200	0003633/GL- cchn
202111	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	9/11/2021 15:53	9/11/2021 16:02	Varogel S	9/11/2021 16:01	24,150	0003633/GL- cchn
202111	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	9/11/2021 15:53	9/11/2021 16:02	Khám bệnh Trạm y tế	9/11/2021 15:53	27,500	0003633/GL- cchn
202111	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	22/11/202 1 9:18	22/11/202 1 9:28	Khám bệnh Trạm y tế	22/11/202 1 9:18	27,500	0003633/GL- cchn
202111	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	22/11/202 1 9:18	22/11/202 1 9:28	Magnesi B6	22/11/202 1 9:27	1,190	0003633/GL- cchn
202111	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	22/11/202 1 9:18	22/11/202 1 9:28	Dưỡng cốt hoàn	22/11/202 1 9:27	34,950	0003633/GL- cchn

202111	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	22/11/202 1 9:18	22/11/202 1 9:28	Savi Eperisone 50	22/11/202 1 9:27	8,600	0003633/GL- cchn
202111	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	22/11/202 1 9:18	22/11/202 1 9:28	Meloxicam	22/11/202 1 9:27	630	0003633/GL- cchn
202111	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	30/11/202 1 14:54	30/11/202 1 15:04	Buscopan	30/11/202 1 15:03	11,200	0003633/GL- cchn
202111	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	30/11/202 1 14:54	30/11/202 1 15:04	Varogel S	30/11/202 1 15:03	24,150	0003633/GL- cchn
202111	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	30/11/202 1 14:54	30/11/202 1 15:04	LACBIOSY N	30/11/202 1 15:03	13,860	0003633/GL- cchn
202111	64222	6422018000032	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	30/11/202 1 14:54	30/11/202 1 15:04	Khám bệnh Trạm y tế	30/11/202 1 14:54	27,500	0003633/GL- cchn
202109	64224	6422421000144	SIU H' NHUÂN	7/10/1984	HC4646412001443	7/9/2021 9:11	7/9/2021 9:20	Khám bệnh Trạm y tế	7/9/2021 9:11	27,500	0003627/GL- CCHN
202109	64224	6422421000144	SIU H' NHUÂN	7/10/1984	HC4646412001443	7/9/2021 9:11	7/9/2021 9:20	Clorphenira min	7/9/2021 9:19	270	0003627/GL- CCHN
202109	64224	6422421000144	SIU H' NHUÂN	7/10/1984	HC4646412001443	7/9/2021 9:11	7/9/2021 9:20	Pymeferon B9	7/9/2021 9:19	5,100	0003627/GL- CCHN
202109	64224	6422421000144	SIU H' NHUÂN	7/10/1984	HC4646412001443	7/9/2021 9:11	7/9/2021 9:20	Varogel S	7/9/2021 9:19	24,150	0003627/GL- CCHN
202109	64224	6422421000144	SIU H' NHUÂN	7/10/1984	HC4646412001443	7/9/2021 9:11	7/9/2021 9:20	Tinidazol	7/9/2021 9:19	3,290	0003627/GL- CCHN
202109	64224	6422421000144	SIU H' NHUÂN	7/10/1984	HC4646412001443	7/9/2021 9:11	7/9/2021 9:20	Buscopan	7/9/2021 9:19	11,200	0003627/GL- CCHN
TỔNG CỘNG										1,023,638	

NĂM 2022

KY_ QT	MA_ CSKCB	MA_BN	HO_TEN	NGAY_ SINH	MA_THE	NGAY_ VAO	NGAY_ RA	TEN_CP	NGAY_ YL	T_BHTT_ DTL	MA_ BAC_SI
202202	64041	22005222	ĐỖ THỊ THANH SANG	8/2/1990	HC4646411001978	25/2/2022 9:48	25/2/2022 10:07	Khám Nội	25/2/2022 9:48	30,500	0001360/GL- CCHN
202203	64041	22008447	RAH LAN H' HƯƠNG	17/7/1988	HC2646413007759	24/3/2022 16:18	24/3/2022 16:36	Khám Nội	24/3/2022 16:18	30,500	006286/GL- CCHN
202206	64041	22016832	RAH LAN H' HƯƠNG	17/7/1988	HC2646413007759	20/6/2022 16:28	20/6/2022 16:30	Khám Nội	20/6/2022 16:28	30,500	006286/GL- CCHN
202207	64041	22019857	RAH LAN H' HƯƠNG	17/7/1988	HC2646413007759	15/7/2022 16:34	15/7/2022 16:38	Khám Nội	15/7/2022 16:35	30,500	006286/GL- CCHN

202207	64041	22019857	RAH LAN H' HUƠNG	17/7/1988	HC2646413007759	15/7/2022 16:34	15/7/2022 16:38	Omeptul	15/7/2022 16:36	2,300	006286/GL- CCHN
202207	64041	22019857	RAH LAN H' HUƠNG	17/7/1988	HC2646413007759	15/7/2022 16:34	15/7/2022 16:38	LACBIOSY N	15/7/2022 16:36	27,720	006286/GL- CCHN
202207	64041	22019857	RAH LAN H' HUƠNG	17/7/1988	HC2646413007759	15/7/2022 16:34	15/7/2022 16:38	Ciprofloxac in	15/7/2022 16:36	12,460	006286/GL- CCHN
202207	64041	22019857	RAH LAN H' HUƠNG	17/7/1988	HC2646413007759	15/7/2022 16:34	15/7/2022 16:38	Lahm	15/7/2022 16:36	62,000	006286/GL- CCHN
202207	64041	22019857	RAH LAN H' HUƠNG	17/7/1988	HC2646413007759	15/7/2022 16:34	15/7/2022 16:38	Tiram	15/7/2022 16:36	16,170	006286/GL- CCHN
202211	64041	22038075	RÔ H' NHU'	14/9/1994	HC4646422976334	10/11/202 2 9:19	10/11/202 2 9:21	Bổ trung ích khí-F	10/11/202 2 9:20	55,200	0005707/GL- CCHN
202211	64041	22038075	RÔ H' NHU'	14/9/1994	HC4646422976334	10/11/202 2 9:19	10/11/202 2 9:21	Khám Nội	10/11/202 2 9:20	30,500	0005707/GL- CCHN
202201	64219	6.42192E+12	RCOM H' XỐM	9/9/1990	HC4646413003413	13/1/2022 8:52	13/1/2022 9:01	Khám bệnh Trạm y tế	13/1/2022 8:52	27,500	0003644/GL- CCHN
202201	64219	6.42192E+12	RCOM H' XỐM	9/9/1990	HC4646413003413	13/1/2022 8:52	13/1/2022 9:01	Dưỡng cốt hoàn	13/1/2022 9:00	39,200	0003644/GL- CCHN
202201	64219	6.42192E+12	RCOM H' XỐM	9/9/1990	HC4646413003413	13/1/2022 8:52	13/1/2022 9:01	Olesom	13/1/2022 9:00	78,960	0003644/GL- CCHN
202201	64219	6.42192E+12	RCOM H' XỐM	9/9/1990	HC4646413003413	13/1/2022 8:52	13/1/2022 9:01	Hydrocolacyl	13/1/2022 9:00	890	0003644/GL- CCHN
202201	64219	6.42192E+12	RCOM H' XỐM	9/9/1990	HC4646413003413	13/1/2022 8:52	13/1/2022 9:01	Paracetamol 500	13/1/2022 9:00	10,000	0003644/GL- CCHN
202201	64219	6.42192E+12	RCOM H' XỐM	9/9/1990	HC4646413003413	13/1/2022 8:52	13/1/2022 9:01	Pyfaclor 500mg	13/1/2022 9:00	114,100	0003644/GL- CCHN
202209	64219	6.42192E+12	RCOM H' XỐM	9/9/1990	HC4646413003413	27/9/2022 16:33	27/9/2022 16:42	Khám bệnh Trạm y tế	27/9/2022 16:33	27,500	0003644/GL- CCHN
202209	64219	6.42192E+12	RCOM H' XỐM	9/9/1990	HC4646413003413	27/9/2022 16:33	27/9/2022 16:42	Berberin	27/9/2022 16:41	5,040	0003644/GL- CCHN
202209	64219	6.42192E+12	RCOM H' XỐM	9/9/1990	HC4646413003413	27/9/2022 16:33	27/9/2022 16:42	Drotaverin	27/9/2022 16:41	1,750	0003644/GL- CCHN
202209	64219	6.42192E+12	RCOM H' XỐM	9/9/1990	HC4646413003413	27/9/2022 16:33	27/9/2022 16:42	Enterogolds	27/9/2022 16:41	26,250	0003644/GL- CCHN
202210	64219	6.42192E+12	RCOM H' XỐM	9/9/1990	HC4646413003413	11/10/202 2 7:27	11/10/202 2 7:36	Khám bệnh Trạm y tế	11/10/202 2 7:27	27,500	0003644/GL- CCHN
202210	64219	6.42192E+12	RCOM H' XỐM	9/9/1990	HC4646413003413	11/10/202 2 7:27	11/10/202 2 7:36	Thuốc ho bổ phế	11/10/202 2 7:35	32,000	0003644/GL- CCHN

202210	64219	6.42192E+12	R COM H' X OM	9/9/1990	HC4646413003413	11/10/202 2 7:27	11/10/202 2 7:36	Paracetamol 500	11/10/202 2 7:35	10,000	0003644/GL- CCHN
202210	64219	6.42192E+12	R COM H' X OM	9/9/1990	HC4646413003413	11/10/202 2 7:27	11/10/202 2 7:36	Lorytec 10	11/10/202 2 7:35	23,900	0003644/GL- CCHN
202210	64219	6.42192E+12	R COM H' X OM	9/9/1990	HC4646413003413	11/10/202 2 7:27	11/10/202 2 7:36	Pyfacolor 500mg	11/10/202 2 7:35	81,500	0003644/GL- CCHN
202210	64219	6.42192E+12	R COM H' X OM	9/9/1990	HC4646413003413	11/10/202 2 7:27	11/10/202 2 7:36	Hydrocolacyl	11/10/202 2 7:35	1,780	0003644/GL- CCHN
202212	64219	6.42192E+12	R COM H' X OM	9/9/1990	HC4646413003413	15/12/202 2 9:17	15/12/202 2 9:26	Phong tê thấp	15/12/202 2 9:25	68,000	0003644/GL- CCHN
202212	64219	6.42192E+12	R COM H' X OM	9/9/1990	HC4646413003413	15/12/202 2 9:17	15/12/202 2 9:26	Khám bệnh Trạm y tế	15/12/202 2 9:17	27,500	0003644/GL- CCHN
202201	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	28/1/2022 8:03	28/1/2022 8:15	Khám bệnh Trạm y tế	28/1/2022 8:03	27,500	004346/GL- CCHN
202201	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	28/1/2022 8:03	28/1/2022 8:15	Olesom	28/1/2022 8:14	39,480	004346/GL- CCHN
202201	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	28/1/2022 8:03	28/1/2022 8:15	Parazacol	28/1/2022 8:14	1,260	004346/GL- CCHN
202201	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	28/1/2022 8:03	28/1/2022 8:15	Biceflexin powder	28/1/2022 8:14	13,700	004346/GL- CCHN
202203	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	4/3/2022 9:11	4/3/2022 9:20	Khám bệnh Trạm y tế	4/3/2022 9:11	27,500	004346/GL- CCHN
202203	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	4/3/2022 9:11	4/3/2022 9:20	Hydrocolacyl	4/3/2022 9:19	890	004346/GL- CCHN
202203	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	4/3/2022 9:11	4/3/2022 9:20	Clorphenira min	4/3/2022 9:19	270	004346/GL- CCHN
202203	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	18/3/2022 8:08	18/3/2022 8:17	Vitamin 3B Extra	18/3/2022 8:16	11,340	004346/GL- CCHN
202203	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	18/3/2022 8:08	18/3/2022 8:17	Khám bệnh Trạm y tế	18/3/2022 8:08	27,500	004346/GL- CCHN
202203	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	18/3/2022 8:08	18/3/2022 8:17	Varogel S	18/3/2022 8:16	24,150	004346/GL- CCHN
202203	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	18/3/2022 8:08	18/3/2022 8:17	Buscopan	18/3/2022 8:16	11,200	004346/GL- CCHN
202203	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	25/3/2022 9:48	25/3/2022 9:57	Parazacol	25/3/2022 9:56	1,260	004346/GL- CCHN
202203	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	25/3/2022 9:48	25/3/2022 9:57	Ambroxol 30mg	25/3/2022 9:56	1,470	004346/GL- CCHN

202203	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	25/3/2022 9:48	25/3/2022 9:57	Hydrocolacyl	25/3/2022 9:56	890	004346/GL-CCHN
202203	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	25/3/2022 9:48	25/3/2022 9:57	Midatan 500/125	25/3/2022 9:56	17,480	004346/GL-CCHN
202203	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	25/3/2022 9:48	25/3/2022 9:57	EBITAC FORTE	25/3/2022 9:56	117,000	004346/GL-CCHN
202203	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	25/3/2022 9:48	25/3/2022 9:57	Khám bệnh Trạm y tế	25/3/2022 9:48	27,500	004346/GL-CCHN
202205	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	20/5/2022 9:12	20/5/2022 9:23	Aldan Tablets 10mg	20/5/2022 9:22	26,100	004346/GL-CCHN
202205	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	20/5/2022 9:12	20/5/2022 9:23	Khám bệnh Trạm y tế	20/5/2022 9:12	27,500	004346/GL-CCHN
202206	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	10/6/2022 9:03	10/6/2022 9:16	Khám bệnh Trạm y tế	10/6/2022 9:03	27,500	004346/GL-CCHN
202206	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	10/6/2022 9:03	10/6/2022 9:16	Acyclovir 5%	10/6/2022 9:15	4,180	004346/GL-CCHN
202206	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	10/6/2022 9:03	10/6/2022 9:16	Captopril	10/6/2022 9:15	3,150	004346/GL-CCHN
202206	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	10/6/2022 9:03	10/6/2022 9:16	Vitamin 3B Extra	10/6/2022 9:15	11,340	004346/GL-CCHN
202207	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	8/7/2022 9:11	8/7/2022 9:21	Thanh nhiệt tiêu độc-F	8/7/2022 9:20	38,250	004346/GL-CCHN
202207	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	8/7/2022 9:11	8/7/2022 9:21	Khám bệnh Trạm y tế	8/7/2022 9:11	27,500	004346/GL-CCHN
202208	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	4/8/2022 14:19	4/8/2022 14:28	Lahm	4/8/2022 14:27	31,000	004346/GL-CCHN
202208	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	4/8/2022 14:19	4/8/2022 14:28	Drotaverin	4/8/2022 14:27	1,750	004346/GL-CCHN
202208	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	4/8/2022 14:19	4/8/2022 14:28	Khám bệnh Trạm y tế	4/8/2022 14:19	27,500	004346/GL-CCHN
202209	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	12/9/2022 9:03	12/9/2022 9:12	Captopril	12/9/2022 9:11	3,150	004346/GL-CCHN
202209	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	12/9/2022 9:03	12/9/2022 9:12	Thanh nhiệt tiêu độc-F	12/9/2022 9:11	38,250	004346/GL-CCHN
202209	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	12/9/2022 9:03	12/9/2022 9:12	Khám bệnh Trạm y tế	12/9/2022 9:03	27,500	004346/GL-CCHN
202210	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	13/10/202 2 9:54	13/10/202 2 10:04	Thanh nhiệt tiêu độc-F	13/10/202 2 10:03	38,250	004346/GL-CCHN

202210	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	13/10/202 2 9:54	13/10/202 2 10:04	Parazacol	13/10/202 2 10:03	2,100	004346/GL- CCHN
202210	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	13/10/202 2 9:54	13/10/202 2 10:04	PIRACETA M 800mg	13/10/202 2 10:03	3,570	004346/GL- CCHN
202210	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	13/10/202 2 9:54	13/10/202 2 10:04	Khám bệnh Trạm y tế	13/10/202 2 9:54	27,500	004346/GL- CCHN
202210	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	28/10/202 2 7:12	28/10/202 2 7:21	Lahm	28/10/202 2 7:20	31,000	004346/GL- CCHN
202210	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	28/10/202 2 7:12	28/10/202 2 7:21	Thanh nhiệt tiêu độc-F	28/10/202 2 7:20	38,250	004346/GL- CCHN
202210	64220	6.42202E+12	SIU H' VÂN	1/2/1989	HC2646415004565	28/10/202 2 7:12	28/10/202 2 7:21	Khám bệnh Trạm y tế	28/10/202 2 7:12	27,500	004346/GL- CCHN
202201	64222	6.42202E+12	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	17/1/2022 14:48	17/1/2022 14:57	Magnesi B6	17/1/2022 14:56	1,190	0003633/GL- cchn
202201	64222	6.42202E+12	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	17/1/2022 14:48	17/1/2022 14:57	Varogel S	17/1/2022 14:56	24,150	0003633/GL- cchn
202201	64222	6.42202E+12	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	17/1/2022 14:48	17/1/2022 14:57	Khám bệnh Trạm y tế	17/1/2022 14:48	27,500	0003633/GL- cchn
202202	64222	6.42202E+12	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	9/2/2022 15:35	9/2/2022 15:44	Katrypsin	9/2/2022 15:43	2,640	0003633/GL- cchn
202202	64222	6.42202E+12	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	9/2/2022 15:35	9/2/2022 15:44	Pyfacolor 500mg	9/2/2022 15:43	81,500	0003633/GL- cchn
202202	64222	6.42202E+12	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	9/2/2022 15:35	9/2/2022 15:44	Paracetamol 500	9/2/2022 15:43	10,000	0003633/GL- cchn
202202	64222	6.42202E+12	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	9/2/2022 15:35	9/2/2022 15:44	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm	9/2/2022 15:35	120,400	0003633/GL- cchn
202202	64222	6.42202E+12	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	9/2/2022 15:35	9/2/2022 15:44	Khám bệnh Trạm y tế	9/2/2022 15:35	27,500	0003633/GL- cchn
202204	64222	6.42222E+12	NGUYỄN VĂN ĐIẾP	28/1/1983	HC4646409005963	21/4/2022 9:51	21/4/2022 10:00	Diaprid 4	21/4/2022 9:59	31,185	004349/GL- CCHN
202204	64222	6.42222E+12	NGUYỄN VĂN ĐIẾP	28/1/1983	HC4646409005963	21/4/2022 9:51	21/4/2022 10:00	Natri clorid 0,9%	21/4/2022 9:59	1,320	004349/GL- CCHN
202204	64222	6.42222E+12	NGUYỄN VĂN ĐIẾP	28/1/1983	HC4646409005963	21/4/2022 9:51	21/4/2022 10:00	Khám bệnh Trạm y tế	21/4/2022 9:51	27,500	004349/GL- CCHN

202208	64224	6.42242E+12	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO	20/10/1990	HC4646413003479	3/8/2022 8:52	3/8/2022 9:01	Khám bệnh Trạm y tế	3/8/2022 8:52	27,500	0003635/GL-CCHN
202208	64224	6.42242E+12	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO	20/10/1990	HC4646413003479	3/8/2022 8:52	3/8/2022 9:01	Panalganeffe r 500	3/8/2022 9:00	5,530	0003635/GL-CCHN
202210	64224	6.42242E+12	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO	20/10/1990	HC4646413003479	27/10/202 2 9:50	27/10/202 2 9:59	Khám bệnh Trạm y tế	27/10/202 2 9:50	27,500	0003635/GL-CCHN
202210	64224	6.42242E+12	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO	20/10/1990	HC4646413003479	27/10/202 2 9:50	27/10/202 2 9:59	LACBIOSY N	27/10/202 2 9:58	13,860	0003635/GL-CCHN
202210	64224	6.42242E+12	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO	20/10/1990	HC4646413003479	27/10/202 2 9:50	27/10/202 2 9:59	Tinidazol	27/10/202 2 9:58	3,980	0003635/GL-CCHN
202210	64224	6.42242E+12	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO	20/10/1990	HC4646413003479	27/10/202 2 9:50	27/10/202 2 9:59	Lahm	27/10/202 2 9:58	31,000	0003635/GL-CCHN
202210	64224	6.42242E+12	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO	20/10/1990	HC4646413003479	27/10/202 2 9:50	27/10/202 2 9:59	Drotaverin	27/10/202 2 9:58	1,750	0003635/GL-CCHN
202201	64224	6.42242E+12	SIU H' NHUÂN	7/10/1984	HC4646412001443	17/1/2022 9:19	17/1/2022 9:28	Khám bệnh Trạm y tế	17/1/2022 9:19	27,500	0003627/GL-CCHN
202201	64224	6.42242E+12	SIU H' NHUÂN	7/10/1984	HC4646412001443	17/1/2022 9:19	17/1/2022 9:28	Pymeferon B9	17/1/2022 9:27	5,100	0003627/GL-CCHN
202201	64224	6.42242E+12	SIU H' NHUÂN	7/10/1984	HC4646412001443	17/1/2022 9:19	17/1/2022 9:28	Buscopan	17/1/2022 9:27	11,200	0003627/GL-CCHN
202201	64224	6.42242E+12	SIU H' NHUÂN	7/10/1984	HC4646412001443	17/1/2022 9:19	17/1/2022 9:28	LACBIOSY N	17/1/2022 9:27	15,540	0003627/GL-CCHN
202201	64224	6.42242E+12	SIU H' NHUÂN	7/10/1984	HC4646412001443	17/1/2022 9:19	17/1/2022 9:28	Cotrisseptol 480mg	17/1/2022 9:27	2,332	0003627/GL-CCHN
202201	64224	6.42242E+12	SIU H' NHUÂN	7/10/1984	HC4646412001443	17/1/2022 9:19	17/1/2022 9:28	Cotrisseptol 480mg	17/1/2022 9:27	212	0003627/GL-CCHN
202205	64244	6.42192E+12	KSOR H' UIH	10/3/1985	HC2646412001444	23/5/2022 14:31	23/5/2022 14:41	Khám bệnh Trạm y tế	23/5/2022 14:31	27,500	0003638/GL-CCHN
202205	64244	6.42192E+12	KSOR H' UIH	10/3/1985	HC2646412001444	23/5/2022 14:31	23/5/2022 14:41	Varogel S	23/5/2022 14:40	24,150	0003638/GL-CCHN

202205	64244	6.42192E+12	KSOR H' UIH	10/3/1985	HC2646412001444	23/5/2022 14:31	23/5/2022 14:41	Drotaverin	23/5/2022 14:40	1,960	0003638/GL-CCHN
202205	64244	6.42192E+12	KSOR H' UIH	10/3/1985	HC2646412001444	23/5/2022 14:31	23/5/2022 14:41	Domperidon	23/5/2022 14:40	520	0003638/GL-CCHN
202205	64244	6.42192E+12	KSOR H' UIH	10/3/1985	HC2646412001444	23/5/2022 14:31	23/5/2022 14:41	Alzole	23/5/2022 14:40	2,950	0003638/GL-CCHN
202210	64245	6.42202E+12	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	11/10/202 2 15:17	11/10/202 2 15:26	Khám bệnh Trạm y tế	11/10/202 2 15:17	27,500	0003633/GL-CCHN
202210	64245	6.42202E+12	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	11/10/202 2 15:17	11/10/202 2 15:26	Pyfaclor 500mg	11/10/202 2 15:25	81,500	0003633/GL-CCHN
202210	64245	6.42202E+12	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	11/10/202 2 15:17	11/10/202 2 15:26	Hydrocolacyl	11/10/202 2 15:25	1,780	0003633/GL-CCHN
202210	64245	6.42202E+12	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	11/10/202 2 15:17	11/10/202 2 15:26	Paracetamol 500	11/10/202 2 15:25	6,000	0003633/GL-CCHN
202210	64245	6.42202E+12	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	11/10/202 2 15:17	11/10/202 2 15:26	Clorphenira min	11/10/202 2 15:25	320	0003633/GL-CCHN
202212	64245	6.42202E+12	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	7/12/2022 14:58	7/12/2022 15:07	Hydrocolacyl	7/12/2022 15:06	1,780	0003633/GL-CCHN
202212	64245	6.42202E+12	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	7/12/2022 14:58	7/12/2022 15:07	Ryzonal	7/12/2022 15:06	2,550	0003633/GL-CCHN
202212	64245	6.42202E+12	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	7/12/2022 14:58	7/12/2022 15:07	Meloxicam	7/12/2022 15:06	780	0003633/GL-CCHN
202212	64245	6.42202E+12	NAY H' BON	15/5/1989	HC4646413003420	7/12/2022 14:58	7/12/2022 15:07	Khám bệnh Trạm y tế	7/12/2022 14:58	27,500	0003633/GL-CCHN
TỔNG CỘNG										2,479,629	

NHÂN VIÊN Y TẾ NẴM VIỆN VĂN PHÁT SINH Y LỆNH TRÊN XML
(Kèm Kết luận số /KL-SYT ngày /5/2023 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai)

1. Bác sỹ Huỳnh Thị Ngọc Diệp vào viện 10h16 ngày 25/03/2021 đến 31/03/2021 phát sinh y lệnh trên XML năm 2021

KY_QT	MA_CSKCB	MA_BN	HO_TEN	NGAY_SINH	MA_THE	NGAY_VAO	NGAY_RA	MA_CP	NGAY_YL	T_BHTT_DTL	MA_BAC_SI
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	03.0191.1510	25/3/2021 10:16	15,200	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	23.0084.1506	25/3/2021 10:17	26,900	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	23.0029.1473	25/3/2021 10:17	12,900	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	23.0042.1482	25/3/2021 10:17	26,900	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	23.0158.1506	25/3/2021 10:17	26,900	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	23.0041.1506	25/3/2021 10:17	26,900	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	40.988	25/3/2021 14:34	294	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	40.98	25/3/2021 14:34	25,200	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	40.775	25/3/2021 14:34	57,582	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	N03.02.060.258. 000001	25/3/2021 14:34	660	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	N03.01.070.258. 000003	25/3/2021 14:34	1,288	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	40.1005	26/3/2021 8:00	2,100	0003813/GL-CCHN

202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	40.1028	26/3/2021 8:00	700	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	40.198	26/3/2021 8:00	2,436	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	40.98	26/3/2021 8:00	16,800	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	40.173	26/3/2021 8:00	9,900	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	40.988	26/3/2021 8:00	147	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	N03.02.060.258. 000001	26/3/2021 8:00	330	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	40.775	26/3/2021 8:00	28,791	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	40.17	26/3/2021 8:00	7,920	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	N03.01.020	26/3/2021 8:00	1,200	0003813/GL-CCHN
202103	64041	21008395	SIU H' YU	19/5/1967	DT2646422634066	24/3/2021 10:00	26/3/2021 1 10:00	N03.01.070.258. 000003	26/3/2021 8:00	1,288	0003813/GL-CCHN
TỔNG CỘNG										292,336	

2. Bác sỹ Siu H' Kin năm viện 19/10/2022 đến 22/10/2022 phát sinh y lệnh trên XML năm 2022

KY_QT	MA_CSKCB	MA_BN	HO_TEN	NGAY_SINH	MA_THE	NGAY_VAO	NGAY_RA	MA_CP	NGAY_YL	T_BHTT_DTL	MA_BAC_SI
202210	64041	22033958	RMAH H' NHỐ	10/11/2013	CN3646422808124	15/10/2022 2 20:55	21/10/2022 22 16:10	N03.02.080.088 4.000.0003	21/10/2022 8:00	817	004348/GL-CCHN
202210	64041	22033963	ĐINH HUING	2/7/2018	TE1646423307480	16/10/2022 2 6:55	21/10/2022 22 8:00	N03.02.080.088 4.000.0003	20/10/2022 8:00	860	004348/GL-CCHN
202210	64041	22034328	KSOR H' NHU'	16/5/2018	TE1646423286270	18/10/2022 2 7:31	21/10/2022 22 8:00	N03.02.080.088 4.000.0003	20/10/2022 8:00	860	004348/GL-CCHN
TỔNG CỘNG										2,537	